

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC T
TỈNH HÒA B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2020.

(V/v: tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY- TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh Lan H.

Các Hội thẩm nhân dân:

- ông Lê Đắc T;

- ông Đinh Công Th.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu H là Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** (VKSND) huyện Lạc Th tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị M - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại Hội trường xét xử TAND huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2020 về tranh chấp kiện ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (có mặt);

Người làm chứng: Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Đều có địa chỉ: thôn Ninh N, xã An B, huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 25 tháng 6 năm 2020; lời khai tại TAND huyện Lạc Thủy và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1986, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T về sống chung với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Bà Tuyết và ông Tuyên sống chung trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ngăn cản, ép buộc. Sau đó bà Tuyết, ông Tu về chung sống cùng nhau tại thôn Ninh N, xã An B, huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B. Thời gian chung sống của vợ chồng cũng không được hòa hợp, hạnh phúc, do ông Tuyên thường xuyên bài bạc, chơi bời nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bắt đồng quan điểm; hiện tại ông, bà đã sống ly thân. Bà Tuyết nhận thấy tình cảm giữa bà và ông Tuyên không còn nữa; tại phiên tòa hôm

nay bà Tuyết yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tu.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tu trình bày: Năm 1986 ông và bà Nguyễn Thị Tuyết về chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông về chung sống cùng nhau tại thôn Ninh Nội, xã An Bình, huyện Lạc Thủy. Thời gian từ năm 1986 đến bây giờ cuộc sống vợ chồng cũng không được hòa hợp, hạnh phúc; do bà Tuyết hay ghen tuông. Bà Tuyết làm đơn gửi ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Tuyên, mặc dù ông không muốn ly hôn nhưng bà Tuyết kiên quyết ly hôn nên ông Tuyên cũng nhất trí.

Về con chung: Bà Tu, ông T cùng nhất trí là có ba người con chung, con lớn tên là Nguyễn Mạnh Tùng, sinh năm 1987, con thứ hai tên là Nguyễn Mạnh Thân, sinh năm 1992; con thứ ba tên là Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1990; cả ba con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà Tuyết, ông Tuyên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà T, ông Tuyên cùng nhất trí xin tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà Tuyết, ông Tuyên cùng nhất trí không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Đối với Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật như: Thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự; việc thu thập chứng cứ đã bảo đảm đúng theo quy định; tuân thủ đúng pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng.

+ Đối với Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm thể hiện như: nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, trình tự tố tụng bắt đầu phiên tòa, việc hỏi, tranh luận, nghị án, tuyên án tại phiên tòa.

+ Đối với Thư ký: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (TTDS).

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, nội quy phiên tòa quy định tại các điều 70,71,72 và Điều 234 Bộ luật TTDS.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà Tuyết, ông Tuyên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986, tại thôn Ninh Nội, xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Bà Tuyết, ông Tuyên khai không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, trên thực tế bà Tuyết và ông Tuyên cùng khai thống nhất là đã chung sống với nhau từ năm 1986 và có ba con chung; Thời gian sau này mới nảy sinh mâu thuẫn và hai người sống ly thân cho đến nay.

Đề nghị HĐXX giải quyết theo tinh thần hướng dẫn tại Điểm b, Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000 và viện dẫn Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 hiện hành để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; tuyên bà Tuyết và ông Tuyên không phải là vợ chồng.

+ Án phí: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố TTDS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí, tuyên nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Tuyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Tuyên; bà Tuyết và ông Tuyên cùng có địa chỉ, hộ khẩu thường trú tại thôn Ninh Nội, xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTDS thì đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Tuyết, ông Tuyên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 tại thôn Ninh Nội, xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Bà Tuyết, ông Tuyên khai không đăng ký kết hôn. Trên tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 về việc thi hành Luật HN&GD; quy định: "*Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*". Quá trình giải quyết, bà Tuyết, ông Tuyên cũng đã được giải thích về nội dung này và có văn bản nhất trí việc Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình 2014 và đề nghị của Đại diện VKSND; HĐXX thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Tuyết, ông Tuyên không công nhận bà Tuyết và ông Tuyên là vợ chồng.

Các nội dung khác về con chung, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 9, Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Văn Tuyên là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà Tuyết đã nộp theo biên lai thu số: 0003157 ngày 25/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy; nay bà Tuyết không còn phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

ĐINH LAN H

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hoà B;
- VKSND H: Lạc Th;
- VKSND Tỉnh HB;
- Chi Cục THADS H: Lạc Th;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Lan H